

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN **LẦN 2**
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Cơ sở văn hoá Việt Nam			
Mã học phần:	71CULT20222	Số tín chỉ:	2	
Mã nhóm LHP:	241_71CULT20222_12			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:		60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có		☒ Không	

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

- Đối với câu tự luận, SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Áp dụng kiến thức về các lý thuyết, đặc trưng, chức năng và loại hình văn hoá vào việc nhận diện và phân tích các giá trị văn hoá truyền thống VN trong lĩnh vực kinh doanh một cách hiệu quả.	Trắc nghiệm	30%	Phần A	3.0	PI 1.1
CLO2	Vận dụng các giá trị văn hoá Việt Nam đương đại vào hoạt động quản trị tổ chức.	Tự luận	30%	Phần B, Câu 2	3.0	PI 1.1
CLO3	Thực hiện giao tiếp hiệu quả trên cơ sở vận dụng kiến thức về văn hoá truyền thống Việt Nam.	Tự luận	20%	Phần B, Câu 1	4.0	PI 6.1

CLO4	Phối hợp linh hoạt các kỹ năng tư duy phân tích, tư duy phân biện vào kiến giải các vấn đề văn hóa xã hội, mối quan hệ giữa văn hóa cộng đồng với hành vi, tâm lý cá nhân trong tiêu dùng và lao động.	Tự luận	10%	Phần B, Câu 1		PI 7.1
CLO5	Thể hiện ý thức trân trọng, giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam và ý thức dựng xây, lan toả giá trị văn hoá tốt đẹp trong cộng đồng.	Tự luận	10%	Phần B, Câu 1, câu 2		PI 10.2

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm, 20 câu, 0,15 điểm/câu)

Câu 1: Thủ pháp mô hình hoá đã tạo nên một nền nghệ thuật trang trí Việt Nam với nhiều mô hình mang tính triết lý sâu sắc. Hãy cho biết trong bộ Tứ Linh, con vật nào biểu trưng nam tính?

- A. Long
- B. Phụng (phụng)
- C. Ly (lân)
- D. Quy

ANSWER: A

Câu 2: “Chợ tình” là đặc sắc văn hóa của vùng nào?

- A. Tây Bắc
- B. Việt Bắc
- C. Nam Bộ
- D. Tây Nguyên

ANSWER: A

ANSWER: A

Câu 3: Tục uống nước chè của người Việt có từ thời nào?

- A. Văn Lang – Âu Lạc
- B. Đại Việt
- C. Đại Nam
- D. Hiện đại

ANSWER: A

ANSWER: A

Câu 4: Trong thuyết âm dương, đặc tính năng lượng dương là gì?

- A. Cứng rắn, linh hoạt, hướng lên trên
- B. Mềm dẻo, ổn định, hướng xuống dưới

- C. Cứng rắn, linh hoạt, hướng lên trên
- C. Mềm dẻo, linh hoạt, hướng lên trên
- D. Cứng rắn, ổn định, hướng xuống dưới

ANSWER: A

Câu 5. Dấu ấn truyền thống văn hoá nông nghiệp trồng lúa nước của người Việt thể hiện qua cơ cấu bữa ăn. Xếp thứ tự ưu tiên (chiếm tỉ lệ nhiều, thường sử dụng) trong cơ cấu bữa ăn của người Việt.

- A. Cơm, rau củ, thuỷ sản, thịt
- B. Thịt, thuỷ sản, rau củ, cơm
- C. Thịt, thuỷ sản, cơm, rau củ
- D. Thuỷ sản, rau củ, thịt, cơm

ANSWER: A

Câu 6. “Chợ nổi” là đặc sắc của vùng văn hoá nào?

- A. Tây Nam Bộ
- B. Đông Nam Bộ
- C. Nam Trung Bộ
- D. Bắc Bộ

ANSWER: A

Câu 7. Trong thuyết âm dương ngũ hành, vật biểu của phương Bắc là gì?

- A. Con Rùa
- B. Con hổ
- C. Con chim
- D. Con rồng

ANSWER: A

Câu 8. Phật giáo phát triển cực thịnh (được coi là quốc giáo) ở thời kì của văn hoá Việt Nam?

- A. Đại Việt
- B. Văn Lang – Âu Lạc
- C. Đại Nam
- D. Hiện đại

ANSWER: A

Câu 9: Trong thuyết âm dương ngũ hành, phương Đông tương ứng với hành nào?

- A. Mộc
- B. Thuỷ
- C. Kim
- D. Hoả

ANSWER: A

Câu 10. Thuyết âm dương phát biểu như thế nào về quy luật mối quan hệ ?

- A. Âm dương gắn bó mật thiết, chuyển hoá cho nhau
- B. Không có gì hoàn toàn âm hoặc hoàn toàn dương
- C. Sự vận động của âm dương luôn hướng vào chỗ giữa (trung hoà)
- D. Trong âm có dương, trong dương có âm

ANSWER: A

Câu 11. Thứ tự ngũ hành tương khắc:

- A. Thủy - Hỏa - Kim - Mộc - Thổ - Thủy
- B. Thủy - Kim - Thổ - Hỏa - Mộc - Thủy
- C. Thủy - Mộc - Hỏa - Thổ - Kim - Thủy
- D. Thủy - Thổ - Hỏa - Kim - Mộc - Thủy

ANSWER: A

Câu 12. Nho giáo là học thuyết về:

- A. Luân lý và thể chế xã hội
- B. Nỗi khổ và con đường diệt khổ
- C. Hệ thống hành pháp
- D. Luân hồi và quả báo

ANSWER: A

Câu 13. Phật giáo là học thuyết về:

- A. Nỗi khổ và con đường diệt khổ
- B. Luận lý và thể chế xã hội
- C. Hệ thống hành pháp
- D. Đạo đức xã hội

ANSWER: A

Câu 14. Trong tín ngưỡng thờ Mẫu (đạo Mẫu), Mẫu Thượng thiên cai quản vùng nào, mặc áo màu gì?

- A. Vùng trời/màu đỏ
- B. Vùng sông nước/màu trắng
- C. Vùng rừng núi/màu xanh
- D. Vùng đất/màu vàng

ANSWER: A

Câu 15. Trong giao tiếp, người Việt ưa tìm hiểu về đối tượng giao tiếp. Ưu điểm của lối giao tiếp này là thể hiện sự quan tâm đối phương và để tránh chủ đề giao tiếp không tế nhị. Mặt trái của thói quen giao tiếp này là gì?

- A. Tình tò mò, tọc mạch
- B. Thói đồ kỵ, cào bằng
- C. Thói dựa dẫm, ỉ lại.
- D. Thói bẻ phái

ANSWER: A

Câu 16. Đặc trưng tính nhân sinh của văn hóa có chức năng gì?

- A. Điều chỉnh giá trị
- B. Ổn định xã hội
- C. Giáo dục
- D. Điều chỉnh giao tiếp

ANSWER: A

Câu 17. Đặc trưng nhận thức nào sau đây là của văn hóa gốc nông nghiệp?

- A. Tư duy kết hợp, chủ quan, cảm tính và kinh nghiệm
- B. Dung hợp trong tiếp nhận, hiếu hoà trong đối phó
- C. Tư duy phân tích, khách quan, lý tính và thực nghiệm
- D. Độc đoán trong tiếp nhận, mềm dẻo, hiếu thắng trong đối phó

ANSWER: A

Câu 18. Làng ở Nam Bộ có tính cộng đồng thấp hơn so với làng ở Bắc Bộ, nhưng vẫn có mức độ ưu tiên nhất định. Hãy xếp thứ tự ưu tiên tổ chức không gian sống của người Nam Bộ qua câu thành ngữ: “Nhất cận..., nhị cận..., tam cận..., tứ cận..., ngũ cận...”

- A. thị, lân, giang, lộ, điền
- B. lân, thị, giang, điền, lộ
- C. giang, điền, lộ, thị, lân
- D. điền, giang, lân, lộ, thị

ANSWER: A

Câu 19. Câu thành ngữ “Nó lú nhưng chú nó khôn” thể hiện đặc điểm gì hình thức tổ chức họ tộc Việt Nam.

- A. Tinh thần đùm bọc
- B. Tính tôn ty
- C. Tinh thần hoà hiếu
- D. Tính cộng đồng

ANSWER: A

Câu 20: Tính cộng đồng là đặc điểm của nông thôn Việt Nam truyền thống. Mặt trái của tính cộng đồng là gì?

- A. Tính dựa dẫm
- B. Tính chủ động
- C. Tính cần cù
- D. Tính cục bộ

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (3,5 điểm): Xác định các đặc trưng của văn hoá Việt Nam. Cho ví dụ về tính linh hoạt.

Câu 2 (3,5 điểm): Phân tích biểu hiện *lối ứng xử tế nhị* của người Việt trong các lĩnh vực văn hoá giao tiếp và trang phục. Anh/Chị vận dụng lối ứng xử này trong tổ chức và quản lý doanh nghiệp như thế nào?

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
II. Tự luận		7	SV gõ câu trả lời trực tiếp trên CTE
Câu 1		3,5	
Nội dung a	Xác định cơ sở văn hoá Việt Nam: phương thức tổ chức sản xuất nông nghiệp lúa nước => <i>nền văn hoá gốc nông nghiệp.</i>	0.5	
Nội dung b	<i>Đặc trưng văn hoá Việt Nam</i>	2.0	
Ý 1	Văn hoá nhận thức: tư duy kết hợp, trọng quan hệ; tư duy cảm tính và kinh nghiệm.	0.5	
Ý 2	Văn hoá tổ chức cộng đồng: Tính cách ưa ổn định, trọng tình, trọng đức, trọng nữ; trọng cộng đồng và ứng xử linh hoạt.	0.5	
Ý 3	Văn hoá ứng xử môi trường tự nhiên: tôn trọng tự nhiên, ước vọng sống hoà hợp với tự nhiên.	0.5	
Ý 4	Văn hoá ứng xử với môi trường xã hội: dung hợp trong tiếp nhận, hiếu hoà trong đối phó.	0.5	

Nội dung c	Liên hệ đến tổ chức doanh nghiệp, cho ví dụ về biểu hiện <i>tính linh hoạt</i> của người Việt:	1.0	
Ý 1	Trong cơ quan tổ chức hiện nay, người Việt vẫn trọng cộng đồng, duy trì lối ứng xử linh hoạt, mềm mỏng nhằm giữ gìn mối quan hệ và không khí ôn hoà trong tổ chức. Vì vậy, người Việt thường linh hoạt qui tắc lao động phù hợp với điều kiện cá nhân.	0.5	
Ý 2	Ví dụ cụ thể: linh hoạt thời gian làm việc, linh hoạt xử lý vi phạm nguyên tắc hoạt động nội bộ.	0.5	
Câu 2		3.5	SV gõ câu trả lời trực tiếp trên CTE
Nội dung a	Cơ sở của lối ứng xử tế nhị của người Việt: xuất phát từ lối sống định cư, trọng cộng đồng, trọng mối quan hệ của người Việt hình thành từ hoạt động tổ chức sản xuất nông nghiệp xa xưa.	0.5	
Nội dung b	Các biểu hiện ứng xử tế nhị của người Việt: - Trong văn hoá giao tiếp: không nói trực tiếp vào vấn đề nhạy cảm khiến đối tượng giao tiếp khó xử, dùng ngữ điệu nhẹ nhàng, ngôn từ lịch sự; giữ tư thế giao tiếp nghiêm chỉnh, kính cẩn khi giao tiếp,... (0,5 điểm) - Trong văn hoá trang phục: sử dụng trang phục kín đáo, tao nhã, duyên dáng, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. (0,5 điểm). - Trong văn hoá ẩm thực: trọng lời chào mời, ứng xử mực thước trong bữa ăn,... (0,5 điểm)	1.5	
Nội dung c	Vận dụng: - Với vai trò quản lý, xây dựng bộ qui tắc giao tiếp, trang phục phát huy ưu điểm lối ứng xử truyền thống Việt. (0,5 điểm) - Với vai trò cá nhân, thực hiện lối ứng xử tế nhị trong giao tiếp với đồng nghiệp, khách hàng; lựa chọn trang phục kín đáo, duyên dáng phù hợp với môi trường làm việc (0,5 điểm)	1.0	
Nội dung d	Bài làm có hệ thống ý logic, phân tích chặt chẽ.	0.25	

Nội dung f	Bài làm thể hiện ý thức nghiêm túc, trung thực, văn phong khoa học và mạch lạc.	0.25	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Người duyệt đề



TS. Hồ Quốc Hùng

Giảng viên ra đề



TS. Lê Thị Gấm